TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM **TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 596 /QĐ-DVN	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 8 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Dầu Việt Nam - Công ty cổ phần

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN (PVOIL)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần thông qua ngày 27/4/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 78/TTr-TGĐ ngày 22/7/2024;

Trên cơ sở phiếu lấy ý kiến số 64/DVN-HĐQT ngày 30/7/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu Việt Nam-CTCP.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này **"Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần"**.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 622/QĐ-DVN ngày 23/11/2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Dầu Việt Nam – Công ty cổ phần.

Điều 3: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Ban/Văn phòng Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - HĐQT (để b/c); - Ban KS (để biết); - Lưu: VT, KH, ĐTTS (03b).	**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** M.S.D.N: 0305795054 - C.T.C.P TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH **Cao Hoài Dương**

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM - CTCP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ
Công bố thông tin của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 596 /QĐ-DVN ngày 09 / 8 /2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của:

- Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP;
- Người nội bộ của Tổng công ty.

2. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công bố thông tin của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP và Người nội bộ của Tổng công ty

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Quy chế này.

2. *Ngày báo cáo* về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

3. *UBCKNN* là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. *Sở giao dịch chứng khoán/SGDCK* là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

5. *VSDC là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam*

6. *Tổng công ty/PVOIL* là Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

7. *Điều lệ* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP.

8. *Người nội bộ* là người nội bộ của Tổng công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

9. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

10.*Hội đồng quản trị/HĐQT* là Hội đồng quản trị Tổng công ty.

11. *Ban kiểm soát* là Ban kiểm soát Tổng công ty.

12. *Tổng giám đốc* là Tổng giám đốc Tổng công ty.

13. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Tổng công ty bao gồm các chức danh Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

14. *Người điều hành doanh nghiệp* bao gồm các chức danh Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

15. *Người thực hiện công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của Tổng công ty.

16. *Ban chuyên môn* là các Ban chức năng/Văn phòng của Tổng công ty.

17. *Trang thông tin điện tử của Tổng công ty* là trang www.pvoil.com.vn.

18. *Luật doanh nghiệp* là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH11 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

19. *Luật chứng khoán* là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

20. *Nghị định 47/2021/NĐ-CP* là Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

21. *Nghị định 155/2020/NĐ-CP* là Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

22. *Nghị định 156/2020/NĐ-CP* là Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

23. *Thông tư 96/2020/TT-BTC* là Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

24. *Thông tư 118/2020/TT-BTC* là Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

25. *Thông tư 120/2020/TT-BTC* là Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có đảm bảo niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

26. *Quyết định 09/QĐ-HĐTV* là Quyết định số 09/QĐ-HĐTV ngày 10/8/2023 của HĐTV VSDC về việc ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

27. *Quyết định 21/QĐ-SGDVN* là Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và công ty con.

Điều 3. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Tổng công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân liên quan do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho Tổng công ty hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Tổng công ty có thể công bố bản dịch tiếng Anh tài liệu công bố thông tin nếu thấy cần thiết, tuy nhiên trong trường hợp có sai biệt về nội dung giữa bản tiếng Việt và tiếng Anh thì

thông tin công bố trong bản tiếng Việt sẽ có giá trị pháp lý.

Điều 4. Người thực hiện công bố thông tin

1. Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc hoặc 01 cá nhân do Tổng giám đốc ủy quyền công bố thông tin (trừ trường hợp nêu tại khoản 2 Điều này).

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

3. Tổng công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 5. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty (www.pvoil.com.vn);

b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán; phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Tổng công ty lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế công bố thông tin, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Bản cáo bạch và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu;

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của mình và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau khi ngày nghỉ, ngày lễ.

4. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 6. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 7. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Các hành vi vi phạm quy định pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định tại Nghị định 156/2020/NĐ-CP và các văn bản liên quan.

Trưởng Ban chức năng của Tổng công ty và các cá nhân là đối tượng thực hiện công bố thông tin và/hoặc chịu trách nhiệm công bố thông tin, chuẩn bị nội dung công bố thông tin theo Quy chế này nếu để xảy ra vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại (nếu có) tương ứng với mức độ vi phạm.

Chương II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CHUNG

Điều 8. Công bố thông tin chung về Tổng Công ty

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin chung về Tổng công ty bao gồm:

a) Bản cung cấp thông tin về Tổng công ty;

b) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;

c) Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;

d) Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;

e) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm;

f) Báo cáo về thực trạng quản trị Tổng công ty, bao gồm các thông tin sau đây:

- Thông tin về Người quản lý Tổng công ty, Người có liên quan của Người nội bộ; Người có liên quan của Tổng công ty;
- Các quyết định, nghị quyết của HĐQT, báo cáo của Ban kiểm soát;
- Thông tin số lượng lao động và tiền lương bình quân năm của Tổng công ty;

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 9. Công bố thông tin về báo cáo tài chính

1. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Tổng công ty phải công bố 02 báo cáo: Báo cáo tài chính năm của riêng Tổng công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

c) Tổng công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

d) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm: Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

2. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Tổng công ty, được lập theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên: Tổng công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Tổng công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý: Tổng công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý; báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, Tổng công ty đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

5. Tổng công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại Khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

Điều 10. Công bố thông tin về báo cáo quản trị công ty

1. Định kỳ 06 tháng và năm, Tổng công ty công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng chậm nhất là ngày 30/7 và thời hạn công bố thông tin báo cáo quản trị công ty năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.

Điều 11. Công bố thông tin về báo cáo thường niên

1. Tổng công ty lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Tổng Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty công bố trên website của Tổng công ty và của Sở giao dịch chứng khoán về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo

nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG & CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

Điều 13. Công bố thông tin bất thường

1. Tổng Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

Đối với thông tin công bố về thay đổi nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi.

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi tên, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi

nhánh, ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Tổng công ty;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết, Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục V Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Tổng công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Tổng công ty thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I Quy chế ban hành kèm theo QĐ 21/QĐ-SGDVN trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ có hiệu lực. Đồng thời, Tổng công ty gửi cho Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

Đối với việc cung cấp thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo mẫu Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC:

- Tổng công ty liệt kê đầy đủ thông tin về họ tên, mối quan hệ của tất cả người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật hiện hành (bao gồm cả trường hợp người có liên quan có sở hữu và không sở hữu cổ phiếu) tại Mục 16 mẫu Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC.

- Trường hợp người liên quan không thực hiện cung cấp thông tin theo Mục 16, Tổng công ty ghi chú tại trường số 17 Mục 16 Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC,

Tổng công ty ghi rõ "người liên quan không cung cấp thông tin".

- Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC, Tổng công ty báo cáo SGDCK theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng công ty, người nội bộ của Tổng công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Tổng công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng công ty, Tổng công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Tổng công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Tổng công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét

không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Tổng công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 10, khoản 2 và khoản 3 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

b) Đối với các thông tin công bố bất thường khác, nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

c) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

d) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất);

e) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

Điều 14. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Tổng công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Tổng công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Tổng công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Chương V

CÔNG BỐ THÔNG TIN KHÁC

Điều 15. Công bố thông tin về các hoạt động khác

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Khi thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch, Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao

dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định tại Thông tư 118/2020/TT-BTC, Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC và Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

2. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán, Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

3. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tổng công ty công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 16. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai được thực hiện theo quy định tại Chương II Mục 7 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Mục 2 Thông tư 118/2020/TT-BTC, Điều 35 Thông tư 96/2020/TT-BTC và các quy định pháp luật về chào mua công khai.

Chương VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Điều 17. Công bố thông tin của Người nội bộ

1. Ngay khi trở thành Người nội bộ của Tổng công ty, Người nội bộ có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ cho Tổng công ty thông tin cá nhân và Người có liên quan theo Bản cung cấp thông tin quy định tại Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC để Tổng công ty thực hiện công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định tại Điểm l) Khoản 1 Điều 13 Quy chế này. Người nội bộ có trách nhiệm cập nhật thông tin khi có thay đổi, bổ sung các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên và gửi cho Tổng công ty trong thời hạn 24h kể từ khi có thay đổi, bổ sung. Tổng công ty thực hiện báo cáo Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

2. Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan đến người nội bộ có trách nhiệm công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường

hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, Người nội bộ và Người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và Người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và Người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là Người có liên quan của Người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

e) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC;

f) Người nội bộ và Người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này nếu đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC áp dụng đối với giao dịch của cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty) thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Người nội bộ và Người có liên quan.

3. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều này nhưng đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Tổng công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối

tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Tổng công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Tổng công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của Tổng công ty

1. Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn kể từ thời điểm có tên trong danh sách công ty đại chúng quy mô lớn do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (trước đây là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam) công bố.

2. Trong vòng 01 năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Tổng công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật. Trong vòng 05 ngày làm việc trước ngày kết thúc thời hạn công bố thông tin quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn, Tổng công ty gửi thông báo đến Sở giao dịch chứng khoán về việc kết thúc việc công bố thông tin theo quy định đối với tổ chức đăng ký giao dịch quy mô lớn theo mẫu quy định tại Phụ lục VII Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN.

Điều 19. Tổ chức thực hiện công bố thông tin

1. Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty hoặc ủy quyền cho 01 cá nhân thực hiện công bố thông tin. Trong mọi trường hợp, Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin công bố.

2. Tổng công ty thực hiện đăng ký và sử dụng hệ thống công bố thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán theo quy định pháp luật.

3. Các Ban, Văn phòng Tổng công ty có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu công bố thông tin theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Người nội bộ của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và cập nhật khi có thay đổi các thông tin cá nhân và Người có liên quan cho Tổng công ty theo quy định của Quy chế này. Người nội bộ đồng thời có trách nhiệm thông báo đến Người có liên quan của của mình về nghĩa vụ công bố thông tin trong các trường hợp thực hiện giao dịch quy định tại Điều 17 Quy chế này.

5. Tài liệu CBTT được gửi bằng văn bản giấy và/hoặc văn bản điện tử theo quy định tại cụ thể Phụ lục 01 Quy chế này đến Ban Kế hoạch Tổng công ty và địa chỉ email cbtt@pvoil.com.vn.

6. Ban Kế hoạch có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở và tiếp nhận thông tin từ các Ban/Văn phòng/Người nội bộ trình Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền thông qua trước khi thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định.

Điều 20. Điều khoản thi hành

Quy chế này gồm 07 chương 20 điều và kèm theo 01 phụ lục, có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành. Việc sửa đổi và bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng công ty./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0305795054 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY DẦU VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẬN 1-T.P HỒ CHÍ MINH

Cao Hoài Dương

PHỤ LỤC

Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
I	**Công bố thông tin chung**						
1	Thông tin chung	Bản cung cấp thông tin về TCT	Sau khi hoàn tất đăng ký công ty đại chúng và 24h sau khi có cập nhật, bổ sung	Website PVOIL, UBCKNN SGDCK	File PDF	Theo quy định hiện hành	Ban KH
		Điều lệ tổ chức và hoạt động của TCT	24h sau khi có thay đổi, bổ sung	Website PVOIL	File PDF	Theo quy định hiện hành	Ban PC
		Cơ cấu tổ chức của TCT;	03 ngày sau khi có sự thay đổi, bổ sung	Website PVOIL	File PDF		Ban TCNS
		Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;	24h sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên	Website PVOIL	File PDF		Ban KH
		Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm;	24h sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên	Website PVOIL	File PDF		Ban KH
2	Báo cáo về thực trạng quản trị TCT	Thông tin về Người nội bộ, Người có liên quan đến Người nội bộ; Người có liên quan của TCT	CBTT trong vòng 24h kể từ thời điểm việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bổ nhiệm người nội bộ có hiệu lực.	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	- Phụ lục I & Phụ lục II QĐ 21/QĐ-SGDVN (nếu có) - Phụ lục III TT 96/2020/TT-BTC	Người nội bộ
		Các quyết định, nghị quyết của HĐQT Tổng công ty, báo cáo của Ban kiểm soát		Website PVOIL	File PDF		VP (trợ lý HĐQT); Ban KS
		Thông tin số lượng lao động và tiền lương bình quân năm của TCT		Website PVOIL	File PDF		Ban TCNS
II	**Công bố thông tin định kỳ**						
1	Công bố báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán (bao gồm báo cáo riêng và hợp nhất)						

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
a	BCTC kiểm toán hàng năm	1) BCTC gồm: thuyết minh BCTC và phụ lục (nếu có), báo cáo của Ban giám đốc, báo cáo của tổ chức kiểm toán. 2) Văn bản giải trình của TCT trong trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần BCTC; 3) Văn bản giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính hợp nhất: a) LNST tại BC KQKD của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ; chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại; c) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo và không quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Website PVOIL, SGDCK	File PDF BCTC + file excel theo quy định của UBCKNN và HNX	Theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Ban TCKT
b	BCTC kiểm toán bán niên		5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 6 tháng đầu năm tài chính.	Website PVOIL, SGDCK	File PDF BCTC + file excel theo quy định của UBCKNN và HNX	Theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Ban TCKT
c	BCTC quý hoặc BCTC quý được kiểm toán (nếu có)		30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, BCTC được soát xét (nếu có) được công bố trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét. Trường hợp chậm trễ, phải báo cáo UBCKNN xin gia hạn nhưng tối đa không vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý	Website PVOIL, SGDCK	File PDF BCTC + file excel theo quy định của UBCKNN và HNX	Theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Ban TCKT
2	Báo cáo thường niên	Mẫu quy định tại Phụ lục IV - TT 96/2020/TT-BTC	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm nhưng không quá 110 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục IV TT 96/2020/TT-BTC	Ban KH; Tổ QHCĐ

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng và hàng năm	Mẫu quy định tại Phụ lục V - TT 96/2020/TT-BTC	- Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng chậm nhất là ngày 30/7. - Báo cáo quản trị công ty năm chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục V TT 96/2020/TT-BTC	Ban KH; Tổ QHCĐ
4	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên						
	Thông tin Đại hội đồng cổ đông	Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Nghị quyết HĐQT	Ban KH
		1) Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để tham dự đại hội 2) Thông báo mời họp 3) Mẫu giấy ủy quyền 4) Chương trình họp 5) Phiếu biểu quyết 6) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV 7) Các tài liệu thảo luận, thông qua tại cuộc họp 8) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ	Website PVOIL, SGDCK	File PDF + đường dẫn đến toàn bộ dự thảo tài liệu của ĐHĐCĐ	Dự thảo tài liệu và các cập nhật bổ sung nếu có	Ban KH; Ban TCNS (thông tin ứng viên HĐQT/BKS)
		Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan, BB kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	24h tính từ thời điểm kết thúc ĐHĐCĐ	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Biên bản, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan, BB kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý	

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
						kiến cổ đông bằng văn bản	
II	**Công bố thông tin bất thường**						
1	Thông tin bất thường	1) Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN, trong đó nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)	TCKT
		2) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	- Đối với TH thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp: Phụ lục III QĐ số 21/QĐ-SGDVN và gửi kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động thay đổi. - Đối với các nội dung khác: Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan.	Ban PC
1	Thông tin bất thường	3) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Trường hợp Đại hội đồng cổ	24h kể từ khi kết thúc ĐHĐCĐ	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	- BB, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài	Ban KH

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
	(tiếp)	đông thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;				liệu kèm theo; BB kiểm phiếu (trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) - CV thông báo trong trường hợp hủy niêm yết	
		4) Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	24h kể từ khi ban hành NQ của ĐHĐCĐ/HĐQT	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT	Ban KH
		5) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	24h kể từ khi ban hành NQ của ĐHĐCĐ/HĐQT	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của ĐHĐCĐ/HĐQT	Ban KH
		6) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi tên, con dấu của Tổng công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của TCT.	24h kể từ khi ban hành NQ của ĐHĐCĐ/HĐQT	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Nghị quyết của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ	Ban KH
1	Thông tin bất thường (tiếp)	7) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan.	Ban TCKT

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
		hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;					
		8) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	24h kể từ khi ban hành NQ của HĐQT	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan.	Ban KH
		9) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa TCT với người nội bộ hoặc người có liên quan.	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan.	Ban KH/VP (trợ lý HĐQT)
		10) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết:	24h kể từ khi ban hành NQ của ĐHĐCĐ/HĐQT	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục V Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN và Nghị quyết của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ	Ban KH
		a) Trường hợp TCT phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu;	24h tính từ thời điểm TCT báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục V Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN kèm theo BC UBCKNN	
		b) Trường hợp TCT mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	24h tính từ thời điểm TCT báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục V Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
						kèm theo BC kết quả giao dịch	
1	Thông tin bất thường (tiếp)	c) Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông;	CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục V Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN	
		11) TCT thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm Người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	- Phụ lục I & Phụ lục II QĐ 21/QĐ-SGDVN (nếu có) - Bản Cung cấp thông tin theo Phụ lục III TT 96/2020/TT-BTC	Ban TCNS
		12) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Tổng công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét;	24h từ khi ban hành NQ/QĐ về việc mua/bán	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN + NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/HĐQT	Ban KH
		13) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của TCT; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của TCT;	24h kể từ khi nhận được QĐ	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan.	Ban PC
		14) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của TCT; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	24h kể từ khi nhận được bản án, QĐ	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan.	Ban đầu mối xử lý vụ việc

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
		15) TCT nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	24h kể từ khi nhận được thông báo của Tòa án	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan.	Ban PC
1	Thông tin bất thường (tiếp)	16) Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính TCT;	24h kể thi nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính TCT	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	CV của TCT xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng dến giá chứng khoán của TCT	Ban KH
		17) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty	24h kể từ khi xảy ra sự kiện	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	CV thông báo của TCT nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và giải pháp khắc phục (nếu có)	Các ban theo chức năng
		18) Đăng ký ủy quyền CBTT	24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục I và III TT 96/2020/TT-BTC	Ban PC
2	Ngày đăng ký cuối cùng	Nghị quyết của HĐQT và Văn bản gửi VSDC đăng ký ngày cuối cùng để thực hiện các quyền cổ đông	1. Chốt quyền tham dự họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến bằng văn bản: tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. 2. Các trường hợp khác: Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Website PVOIL, SGDCK, VSDC.	File PDF	1. Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng theo mẫu 07/THQ kèm theo QĐ 09/QĐ-HĐTV ngày 10/8/2023 của VSDC 2. Nghị quyết HĐQT	Ban KH

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
3	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	1. Phiếu lấy ý kiến 2. Dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ 3. Các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	Website PVOIL	File PDF	1. Phiếu lấy ý kiến Dự thảo NQ	Ban KH
		4. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	15 ngày kể từ khi kết thúc kiểm phiếu	Website PVOIL	File PDF	BB và NQ ĐHĐCĐ	Ban KH
4	Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác	CBTT báo cáo tài chính sau khi thay đổi kỳ kế toán: Tổng công ty CBTT báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới	Website PVOIL, SGDCK	File PDF	Phụ lục VI QĐ số 21/QĐ-SGDVN và các tài liệu liên quan và BCTC sau khi thay đổi kỳ kế toán	Ban TCKT
III	**Công bố thông tin theo yêu cầu**						
1	Công bố thông tin theo yêu cầu	Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi: 1- Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; 2- Có thông tin ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán	24h từ khi nhận được yêu cầu	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	File PDF	CV của TCT nêu rõ sự kiện, nguyên nhân và đánh giá của TCT về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).	Ban/VP được giao xử lý
IV	**Công bố thông tin khác**						
1	Giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại TCT và các thay đổi liên quan	Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của VSDC	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK, VSDC	File PDF	CV của TCT Văn bản chấp thuận của VSDC	Ban KH
2	Chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn: thực hiện theo quy định tại Thông tư 118/2020/TT-BTC, Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC và Nghị định 155/2020/NĐ-CP						

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình và bán cổ phiếu quỹ	Trường hợp mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Chứng khoán, Điều 8 Thông tư số 120/2020/TT-BTC và khoản 3 Điều 13 Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Tổng công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.					
V	**Công bố thông tin của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**						
1	Ủy quyền CBTT của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	Đăng ký ủy quyền CBTT của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	24 giờ kể từ khi việc ủy quyền có hiệu lực	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	File PDF	Phụ lục II, Phụ lục III TT 96/2020/TT-BTC (nếu người được ủy quyền CBTT là cá nhân)	Người nội bộ, Người có liên quan của người nội bộ và người được ủy quyền CBTT
2	CBTT của người nội bộ khi thực hiện giao dịch cổ phiếu OIL	Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan đến người nội bộ có trách nhiệm công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDHN khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như					

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Nơi CBTT	Hình thức tài liệu	Mẫu báo cáo	Bộ phận cung cấp thông tin
		các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:					
		1. Công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện giao dịch	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	Bản gốc/File PDF	Phụ lục XIII hoặc XIV TT 96/2020/TT-BTC	Người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ
		2. Công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Website PVOIL, UBCKNN, SGDCK	Bản gốc/File PDF	Phụ lục XV hoặc XVI TT 96/2020/TT-BTC	Người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ
3	CBTT của TCT đối với giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ	1. Báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan 2. Báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Người nội bộ	03 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo từ Người nội bộ	Website PVOIL	File PDF	Theo quy định của UBCKNN	Người nội bộ và người có liên quan đến Người nội bộ